



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 6 năm 2011.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.810.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Chế biến đá.
- Khai khoáng khác; Nạo vét kênh, rạch...

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bi Long Sơn	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Thành viên
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên
Ông Huỳnh Phú Kiệt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bi Long Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

**6. Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2013



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*[Handwritten signature in blue ink]*

**BÌ LONG SƠN**



Số: 13.187/BCKT- DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 14 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự bảo đảm hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Như được nêu tại mục 5.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày kết thúc năm tài chính 2012, Công ty vẫn chưa trích đủ dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Nếu khoản dự phòng phải thu khó đòi nêu trên được ghi nhận thì lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 thể hiện trên Báo cáo kết quả kinh doanh sẽ giảm đi 1.047.435.206 đồng.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
**NGUYỄN THỤY NHẢ VY**  
Chứng chỉ KTV số 1875/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>220.307.182.697</b>	<b>187.378.709.512</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>20.771.423.784</b>	<b>40.957.968.827</b>
1. Tiền	111		5.671.423.784	7.957.968.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.100.000.000	33.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>163.205.856.561</b>	<b>104.542.096.199</b>
1. Phải thu khách hàng	131		69.053.135.007	40.762.980.927
2. Trả trước cho người bán	132		6.909.005.633	3.439.569.450
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		87.410.356.847	60.485.672.748
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(166.640.926)	(146.126.926)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>35.441.207.773</b>	<b>39.352.160.766</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.441.207.773	39.352.160.766
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>888.694.579</b>	<b>2.526.483.720</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		109.306.473	193.478.882
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		413.779.369	1.879.714.434
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		365.608.737	453.290.404

(Phần tiếp theo trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.436.272.265</b>	<b>31.537.896.800</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.507.633.601</b>	<b>20.401.747.303</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	4.507.019.790	3.954.323.924
+ Nguyên giá	225		13.050.684.731	13.290.650.435
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.543.664.941)	(9.336.326.511)
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	279.720.000	279.720.000
+ Nguyên giá	228		279.720.000	279.720.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	20.720.893.811	16.167.703.379
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.800.000.000</b>	<b>10.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	10.800.000.000	10.800.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>128.638.664</b>	<b>336.149.497</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		128.638.664	327.249.578
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	8.899.919
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>256.743.454.962</b>	<b>218.916.606.312</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>207.407.582.523</b>	<b>187.171.022.357</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>106.293.582.523</b>	<b>96.071.022.357</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	30.302.459.641	15.333.352.176
2. Phải trả người bán	312	5.9	40.909.709.654	45.123.599.867
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	18.345.471.421	8.083.751.229
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.575.365	16.869.678.168
5. Phải trả người lao động	315	5.10	1.111.689.518	1.310.138.634
6. Chi phí phải trả	316		351.867.724	435.062.337
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	15.174.322.212	8.819.332.608
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		94.486.988	96.107.338
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>101.114.000.000</b>	<b>91.100.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	90.000.000.000	80.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	11.114.000.000	11.100.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.335.872.439</b>	<b>31.745.583.955</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>49.335.872.439</b>	<b>31.745.583.955</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.978.758.024	3.017.124.669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.160.642.664	1.126.279.170
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.386.471.751	2.792.180.116
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>256.743.454.962</b>	<b>218.916.606.312</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

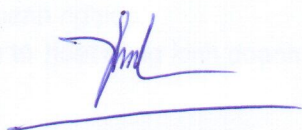
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		120.903.874.664	117.351.794.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	120.903.874.664	117.351.794.517
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	112.594.849.580	112.185.715.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.309.025.084	5.166.079.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.497.570.688	2.961.507.116
7. Chi phí tài chính	22		3.572.086.838	1.500.640.790
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.572.086.838	1.500.640.790
8. Chi phí bán hàng	24		147.145.269	36.575.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	8.557.982.484	6.405.285.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		529.381.181	185.084.827
11. Thu nhập khác	31		920.235.889	805.551.578
12. Chi phí khác	32		545.875.121	814
13. Lợi nhuận khác	40		374.360.768	805.550.764
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		903.741.949	990.635.591
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	36.303.031	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.899.919	66.100.081
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		858.538.999	924.535.510
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.14.4	381	387

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		903.741.949	990.635.591
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		960.296.473	1.129.412.989
Các khoản dự phòng	03		20.514.000	(96.395.033)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.728.683.878)	(2.647.886.593)
Chi phí lãi vay	06		3.572.086.838	1.500.640.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>2.727.955.382</b>	<b>876.407.744</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57.321.757.711)	(87.686.214.106)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.910.952.993	(18.015.664.786)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		22.182.219.234	104.971.699.579
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		282.783.323	(77.217.466)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.572.086.838)	(1.500.640.790)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(13.200.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(74.219.998)	(454.572.481)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(31.864.153.615)</b>	<b>(1.899.402.306)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.571.296.760)	(10.806.496.147)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		154.545.454	548.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.111.252.413	2.099.704.775
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.305.498.893)</b>	<b>(8.137.809.554)</b>

(Phần tiếp theo trang 10)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

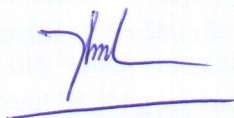
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		52.363.982.695	35.086.344.545
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.380.875.230)	(13.733.548.219)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.983.107.465</b>	<b>21.352.796.326</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(20.186.545.043)</b>	<b>11.315.584.466</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>40.957.968.827</b>	<b>29.642.384.361</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>20.771.423.784</b>	<b>40.957.968.827</b>

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH



TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 6 năm 2011.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.810.000.000 đồng.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Chế biến đá.
- Khai khoáng khác; Nạo vét kênh, rạch...

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp: kê khai thường xuyên.

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06 năm

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết của đại hội cổ đông hàng năm, chi tiết:
  - + Quỹ đầu tư phát triển: 5%
  - + Quỹ dự phòng: 5%
  - + Quỹ khen thưởng: 5%
  - + Quỹ phúc lợi: 5%

### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

### 4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và công cụ tài chính chưa được niêm yết.

### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

#### Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Trả trước cho người bán	3.439.569.450	55.948.208.497
Các khoản phải thu khác	60.485.672.748	7.977.033.701

Trình bày khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu để đền bù giải tỏa từ trả trước cho người bán sang các khoản phải thu khác để phù hợp với nội dung nghiệp vụ.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	72.533.054	126.990.619
Tiền gửi ngân hàng	5.598.890.730	7.830.978.208
Các khoản tương đương tiền	15.100.000.000	33.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.771.423.784</b>	<b>40.957.968.827</b>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng.

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	69.053.135.007	40.762.980.927
Trả trước cho người bán	6.909.005.633	3.439.569.450
Các khoản phải thu khác	87.410.356.847	60.485.672.748
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>163.372.497.487</b>	<b>104.688.223.125</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(166.640.926)	(146.126.926)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>163.205.856.561</b>	<b>104.542.096.199</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, các khoản phải thu Công ty trong cùng hệ thống là 3.104.806.276 đồng - Xem thêm mục 7. Khoản dự phòng phải thu khó đòi Công ty trích lập thiếu so với quy định tại Thông tư 228/TT-BCT ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính là 1.047.435.206 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về ứng trước tiền lương các đội thi công	-	3.256.316.714
Ứng tiền đền bù mỏ đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất TP. Biên Hòa	4.650.815.000	4.650.815.000
Ứng tiền đền bù cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu	82.691.404.276	52.508.639.047
Các khoản phải thu khác	68.137.571	69.901.987
<b>Cộng</b>	<b>87.410.356.847</b>	<b>60.485.672.748</b>

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	457.058.973	680.802.725
Công cụ, dụng cụ	144.642	5.496.417
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.825.862.935	38.507.466.665
Thành phẩm	158.141.223	158.394.959
<b>Cộng</b>	<b>35.441.207.773</b>	<b>39.352.160.766</b>

(Phần tiếp theo trang 16)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	2.267.010.252	3.411.325.307	7.278.497.601	333.817.275	13.290.650.435
Mua trong năm	-	-	650.447.091	26.315.455	676.762.546
Xây dựng cơ bản	1.352.259.186	-	-	-	1.352.259.186
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.899.611.961)	(352.102.748)	-	(2.251.714.709)
Giảm khác	-	-	-	(17.272.727)	(17.272.727)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.619.269.438</b>	<b>1.511.713.346</b>	<b>7.576.841.944</b>	<b>342.860.003</b>	<b>13.050.684.731</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	706.863.639	2.704.664.991	5.758.445.239	166.352.642	9.336.326.511
Khấu hao trong năm	289.876.652	160.441.188	451.961.021	58.017.612	960.296.473
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.394.497.972)	(352.102.748)	-	(1.746.600.720)
Giảm khác	-	-	-	(6.357.323)	(6.357.323)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>996.740.291</b>	<b>1.470.608.207</b>	<b>5.858.303.512</b>	<b>218.012.931</b>	<b>8.543.664.941</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.560.146.613	706.660.316	1.520.052.362	167.464.633	3.954.323.924
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.622.529.147</b>	<b>23.832.412</b>	<b>1.718.538.432</b>	<b>142.119.799</b>	<b>4.507.019.790</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 1.013.220.213 đồng – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.394.369.945 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không có thời hạn.

### 5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng khu công nghiệp Thạnh Phú	6.264.030.431	3.864.430.765
Chi phí xây dựng mỏ đá Tân Cang	14.384.985.472	12.276.379.615
Chi phí đầu tư mỏ cát Daklua	71.877.908	23.338.454
Chi phí đầu tư Bến thủy nội địa KCN BH 1	-	3.554.545
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.720.893.811</b>	<b>16.167.703.379</b>

### 5.7. Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (ngàn đồng)	Số lượng	Giá trị (ngàn đồng)
Đầu tư cổ phiếu Cty CP Sonadezi Châu Đức	980.000	9.800.000	980.000	9.800.000
Đầu tư cổ phiếu Cty CP dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000	100.000	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.080.000</b>	<b>10.800.000</b>	<b>1.080.000</b>	<b>10.800.000</b>

### 5.8. Vay ngắn hạn

Là khoản vay có hạn mức 30.000.000.000 đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được thế chấp bởi tài sản cố định của công ty – xem thêm mục 5.4.

### 5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	40.909.709.654	45.123.599.867
Người mua trả tiền trước	18.345.471.421	8.083.751.229
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.255.181.075</b>	<b>53.207.351.096</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.10. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2012 còn phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	58.869.862	169.547.803
Quý đầu tư và phát triển Đồng Nai	890.422.496	963.629.108
Bảo hành công trình	11.626.863.074	7.017.500.000
Nhận vốn góp vào khu mỏ đá Daklua	1.810.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	788.166.780	668.655.697
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.174.322.212</b>	<b>8.819.332.608</b>

### 5.12. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền nhận góp vốn vào dự án khu công nghiệp Thạnh Phú chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	50.000.000.000
Tổng Công ty Phát triển khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

### 5.13. Vay và nợ dài hạn

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

- Khoản vay ngân hàng để đầu tư xây dựng mỏ đá Tân Cang, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Công ty được ân hạn 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai. Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.060.000.000 đồng.
- Là khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai để đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải KCN Thạnh Phú, thời hạn 60 tháng, lãi suất 6%/ năm, được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình. Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.054.000.000 đồng.

(Phần tiếp theo trang 19)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.14. Vốn chủ sở hữu

#### 5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	24.810.000	2.969.071	1.078.225	2.481.698	31.338.994
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	924.536	924.536
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	36.371	36.371
Trích quỹ	-	48.054	48.054	(192.815)	(96.707)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	(57.000)	(57.000)
Điều chỉnh giảm theo biên bản kiểm toán nhà nước	-	-	-	(400.610)	(400.610)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>24.810.000</b>	<b>3.017.125</b>	<b>1.126.279</b>	<b>2.792.180</b>	<b>31.745.584</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	858.539	858.539
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	73.207	73.207
Trích quỹ	-	47.243	47.243	(188.974)	(94.488)
Tặng khác	-	16.927.270	-	51.520	16.978.790
Giảm khác	-	(12.880)	(12.880)	(200.000)	(225.760)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.810.000</b>	<b>19.978.758</b>	<b>1.160.642</b>	<b>3.386.472</b>	<b>49.335.872</b>

#### 5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	15.810.000.000	15.810.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>24.810.000.000</b>

#### 5.14.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.481.000	2.481.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	858.538.999	924.535.510
Lỗ dự án khu công nghiệp Thạnh Phú	13.124.267	166.978
Lỗ dự án khu dân cư Bửu Long	73.206.613	36.370.892
Lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	944.869.879	961.073.380
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.481.000	2.481.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>381</b>	<b>387</b>

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp	119.808.356.481	116.115.430.911
Doanh thu khác	384.881.818	246.363.606
Doanh thu dự án	710.636.365	990.000.000
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>120.903.874.664</b>	<b>117.351.794.517</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn hoạt động xây lắp.

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.702.140.413	1.596.915.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	502.778.000	502.789.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.292.652.275	861.802.361
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.497.570.688</b>	<b>2.961.507.116</b>

#### 6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	763.187.128	582.443.096
Chi phí nhân công	4.463.300.451	3.347.932.914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.684.757	212.400.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.089.682.115	53.164.095
Chi phí khác bằng tiền	2.043.614.033	2.112.950.239
Chi phí dự phòng	20.514.000	96.395.033
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.557.982.484</b>	<b>6.405.285.707</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	903.741.949	990.635.591
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	169.083.683	507.457.611
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(867.240.661)	(1.558.466.051)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	205.584.971	(60.372.849)
Chuyển lỗ từ năm trước	(60.372.849)	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	145.212.122	-
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>36.303.031</b>	<b>-</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thuế TNDN là các khoản chi phí không hợp lý khi tính thuế TNDN.

### 6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.162.964.278	78.432.040.626
Chi phí nhân công	30.758.810.259	22.968.742.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	951.636.066	1.094.943.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.541.120.474	44.205.009.977
Chi phí khác bằng tiền	2.221.838.376	3.479.413.607
Chi phí dự phòng	20.514.000	96.395.033
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.656.883.453</b>	<b>150.276.545.448</b>

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng hệ thống

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	3.104.806.276	965.961.723
Phải trả	(90.000.000.000)	(80.476.603.229)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp	21.469.756.845	11.616.929.225
Chi phí sử dụng hạ tầng KCN Biên Hòa	151.750.698	153.131.092

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nhận vốn góp liên doanh	10.000.000.000	80.000.000.000
-------------------------	----------------	----------------

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	68.800.000	76.800.000
Lương Tổng Giám đốc	335.436.600	150.866.700
Lương các nhân viên chủ chốt khác	416.794.700	399.051.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>889.831.300</b>	<b>626.718.635</b>

### 8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.771.423.784	40.957.968.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.886.494.081	48.593.887.702
Đầu tư dài hạn khác	10.800.000.000	10.800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.457.917.865</b>	<b>100.351.856.529</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	41.416.459.641	26.433.352.176
Phải trả người bán và phải trả khác	56.025.162.004	53.773.384.672
Chi phí phải trả	80.000.000	55.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.521.621.645</b>	<b>80.261.736.848</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	56.025.162.004	-	56.025.162.004
Các khoản vay	30.302.459.641	11.114.000.000	41.416.459.641
Chi phí phải trả	80.000.000	-	80.000.000
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	53.773.384.672	-	53.773.384.672
Các khoản vay	15.333.352.176	11.100.000.000	26.433.352.176
Chi phí phải trả	55.000.000	-	55.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.886.494.081	-	68.886.494.081

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.593.887.702	-	48.593.887.702

### 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

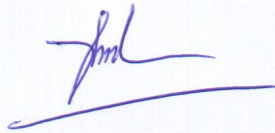
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 3 năm 2013.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2013

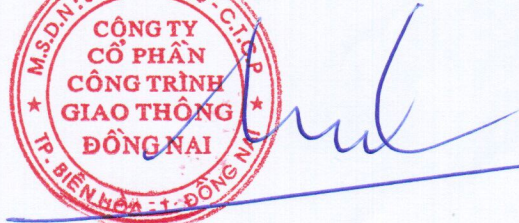
KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH



TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN